

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25/2010/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2010

THÔNG TƯ

**Ban hành Quy chế tuyển chọn, tổ chức bồi dưỡng và xét tuyển
vào học trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp
đối với học sinh hệ dự bị đại học**

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế tuyển chọn, tổ chức bồi dưỡng và xét tuyển vào học trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp đối với học sinh hệ dự bị đại học.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2010 và thay thế Quyết định số 09/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 29/3/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển chọn, tổ chức đào tạo học sinh hệ dự bị đại học và xét tuyển vào đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp đối với học sinh hệ dự bị đại học.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Chuyên nghiệp, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Dân tộc, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc sở giáo dục và đào tạo; Giám đốc các đại học, học viện, Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; Hiệu trưởng các trường dự bị đại học, dự bị đại học dân tộc, Hiệu trưởng trường phổ thông vùng cao Việt Bắc; Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng có khoa dự bị đại học chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Văn Ga

QUY CHẾ

Tuyển chọn, tổ chức bồi dưỡng và xét tuyển vào học trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp đối với học sinh hệ dự bị đại học
(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2010/TT-BGDĐT ngày 13/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định đối tượng, điều kiện tuyển chọn; đăng ký xét tuyển và hồ sơ trúng tuyển; giao chỉ tiêu và quy trình tuyển chọn; tổ chức bồi dưỡng và kiểm tra, thi, xét tuyển vào học trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp đối với học sinh hệ dự bị đại học.

2. Quy chế này áp dụng đối với: Các trường dự bị đại học (viết tắt là trường DBDH), trường dự bị đại học dân tộc (viết tắt là trường DBDHDT), trường Phổ thông vùng cao Việt Bắc, các đại học, học viện, các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục, các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN TUYỂN CHỌN; ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀ HỒ SƠ TRÚNG TUYỂN; GIAO CHỈ TIÊU VÀ XÉT TUYỂN HỌC SINH VÀO HỌC HỆ DỰ BỊ ĐẠI HỌC

Điều 2. Đối tượng và điều kiện tuyển chọn

1. Đối tượng tuyển chọn

Học sinh thuộc nhóm ưu tiên 1 (UT1) và thuộc khu vực 1 (KV1) quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành, có hộ khẩu thường trú 3 năm trở lên tính đến ngày xét tuyển thuộc đối tượng được xét vào học hệ DBDH.

2. Điều kiện tuyển chọn

a) Đối với trường DBDH

Đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên, trung cấp chuyên nghiệp (TCCN), trung cấp nghề

(TCN), trung học nghề (THN) đã dự thi tuyển sinh đại học hệ chính quy các khối A, B, C, D (trừ các ngành năng khiếu) nhưng không trúng tuyển, không có môn thi nào bị điểm không (0) và ngay trong năm dự thi tuyển sinh đại học hệ chính quy, đạt điểm vào học hệ DBĐH do các cơ sở giáo dục có chỉ tiêu hệ DBĐH, trường DBĐH quy định.

b) Đối với trường DBĐHDT

Học sinh là người dân tộc thiểu số đủ điều kiện quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này, nhưng chưa được tuyển chọn vào các trường DBĐH hoặc các cơ sở giáo dục có chỉ tiêu tuyển hệ DBĐH, thì được tuyển chọn vào học ở các trường DBĐHDT.

3. Mỗi học sinh chỉ được học một lần hệ DBĐH; Các đối tượng đang học hoặc đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng tại các cơ sở giáo dục không được xét tuyển vào học hệ DBĐH.

Điều 3. Đăng ký xét tuyển và hồ sơ trúng tuyển

1. Đăng ký xét tuyển

Học sinh thuộc đối tượng và đủ điều kiện tuyển chọn quy định tại Điều 2, trước ngày 20/9 năm dự thi đại học nộp đơn đăng ký xét tuyển vào học hệ DBĐH theo mẫu quy định (Phụ lục I) tại các cơ sở giáo dục có chỉ tiêu tuyển hệ DBĐH theo phân vùng quy định (Phụ lục IV). Khi nhận được giấy triệu tập trúng tuyển vào học hệ DBĐH, học sinh đến tập trung và nộp hồ sơ trúng tuyển đúng thời hạn ghi trong giấy triệu tập.

2. Hồ sơ trúng tuyển bao gồm

a) Bản chính học bạ tốt nghiệp THPT;

b) Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời hoặc bằng tốt nghiệp THPT, TCCN, TCN, THN do Hiệu trưởng nhà trường cấp đối với những học sinh đăng ký học ngay trong năm tốt nghiệp hoặc bằng tốt nghiệp THPT, TCCN, TCN, THN đối với những học sinh đã tốt nghiệp các năm trước. Những học sinh nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời chậm nhất là đầu học kỳ II năm học hệ DBĐH phải xuất trình bằng tốt nghiệp chính để trường đối chiếu, kiểm tra;

c) Bản sao hợp lệ hộ khẩu thường trú của học sinh;

d) Bản sao hợp lệ giấy khai sinh;

đ) Bản sao hợp lệ các giấy tờ xác nhận đối tượng ưu tiên như: giấy chứng nhận con liệt sĩ; thẻ thương binh hoặc thẻ chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh của bản thân hoặc của bố mẹ (nếu có);

e) Bản chính giấy chứng nhận kết quả điểm thi hoặc phiếu báo điểm thi tuyển sinh đại học hệ chính quy do các trường tổ chức thi cấp, Cán bộ của cơ sở giáo dục xác nhận đã kiểm tra đối chiếu với bản chính các giấy tờ của học sinh nộp trong hồ sơ.

Điều 4. Giao chỉ tiêu hệ dự bị đại học

Hàng năm, Bộ Giáo dục và Đào tạo giao và công bố công khai chỉ tiêu học hệ DBĐH cho các cơ sở giáo dục.

Điều 5. Xét tuyển vào học hệ dự bị đại học

1. Hội đồng xét tuyển của các cơ sở giáo dục có chỉ tiêu hệ DBĐH công khai chi tiêu xét tuyển hệ DBĐH và tiến hành nhận đơn đăng ký xét tuyển vào học hệ DBĐH của học sinh theo quy định.

2. Căn cứ chỉ tiêu được giao, căn cứ vào đơn đăng ký xét tuyển vào học hệ DBĐH, kết quả điểm thi tuyển sinh đại học hệ chính quy của học sinh, hội đồng xét tuyển xác định điểm trúng tuyển cho từng khối A, B, C, D theo các đối tượng, khu vực và gửi giấy triệu tập học sinh trúng tuyển vào học.

Chương III

TỔ CHỨC BỒI DƯỠNG, KIỂM TRA VÀ THI

Điều 6. Tổ chức bồi dưỡng

1. Các cơ sở giáo dục tổ chức bồi dưỡng theo mục tiêu và khung chương trình sau đây:

a) Thời gian bồi dưỡng: 8 tháng (không kể 1 tháng nghỉ Lễ, Tết), tương đương 32 tuần, gồm:

- Học chính trị, quân sự đầu khóa: 1 tuần
- Thực học các môn học theo từng khối: 28 tuần
- Ôn tập chuẩn bị thi cuối học kỳ I: 1 tuần
- Ôn tập chuẩn bị thi cuối học kỳ II: 2 tuần

b) Các môn học chính khóa của các khối:

- Khối A: Toán, Lý, Hóa, Ngữ văn (hoặc Tiếng Anh), Tin học;
- Khối B: Toán, Hóa, Sinh, Ngữ văn (hoặc Tiếng Anh), Tin học;
- Khối C: Ngữ văn, Sử, Địa, Tiếng Anh, Tin học;
- Khối D: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh, Tin học.

c) Các môn học ngoại khóa của khối A, B là: Giáo dục Công dân, Giáo dục thể chất, Ngữ văn (hoặc Tiếng Anh); khối C, D là Giáo dục Công dân, Giáo dục thể chất;

d) Theo tình hình thực tế của cơ sở giáo dục và nhu cầu học tập của học sinh (đối với học sinh đã dự thi đại học khối A, B), Hiệu trưởng nhà trường có thể quy định môn Ngữ văn là môn học chính khóa, thì môn Tiếng Anh là môn ngoại khóa hoặc môn Ngữ văn là môn ngoại khóa thì môn Tiếng Anh là môn chính khóa.

- Nếu môn Ngữ Văn hoặc môn Tiếng Anh được chọn làm môn học chính khóa thì học 3 tiết/1 tuần;

- Nếu môn Ngữ Văn hoặc môn Tiếng Anh được chọn làm ngoại khóa thì học 2 tiết/1 tuần.

đ) Phân phối thời gian:

Môn học	Khối A	Khối B	Khối C	Khối D
1. Toán học	8 tiết/tuần	8 tiết/tuần	Không học	6 tiết/tuần
2. Vật lý	5 tiết/tuần	Không học	Không học	Không học
3. Hóa học	5 tiết/tuần	5 tiết/tuần	Không học	Không học
4. Sinh học	Không học	5 tiết/tuần	Không học	Không học
5. Ngữ văn	3 tiết/tuần (học chính khóa); 2 tiết/tuần (học ngoại khóa)	3 tiết/tuần (học chính khóa); 2 tiết/tuần (học ngoại khóa)	8 tiết/tuần	8 tiết/tuần
6. Lịch sử	Không học	Không học	6 tiết/tuần	Không học
7. Địa lý	Không học	Không học	6 tiết/tuần	Không học
8. Tin học	3 tiết/tuần	3 tiết/tuần	3 tiết/tuần	3 tiết/tuần
9. Tiếng Anh	3 tiết/tuần (học chính khóa); 2 tiết/tuần (học ngoại khóa)	3 tiết/tuần (học chính khóa); 2 tiết/tuần (học ngoại khóa)	3 tiết/tuần	9 tiết/tuần
10. Giáo dục công dân	1 tiết/tuần	1 tiết/tuần	1 tiết/tuần	1 tiết/tuần
11. Giáo dục thể chất	2 tiết/tuần	2 tiết/tuần	2 tiết/tuần	2 tiết/tuần
12. Sinh hoạt	1 tiết/tuần	1 tiết/tuần	1 tiết/tuần	1 tiết/tuần
Cộng:	30 tiết/tuần	30 tiết/tuần	30 tiết/tuần	30 tiết/tuần

2. Thực hiện bồi dưỡng học sinh trúng tuyển hệ DBĐH tại trường đối với các cơ sở giáo dục có tổ chức bồi dưỡng hệ DBĐH. Các cơ sở giáo dục có chỉ tiêu hệ

DBĐH, nhưng không bồi dưỡng hệ DBĐH sau khi xét tuyển, chuyển hồ sơ của học sinh trúng tuyển hệ DBĐH đến các cơ sở bồi dưỡng DBĐH được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ bồi dưỡng hệ DBĐH, để tổ chức bồi dưỡng.

Điều 7. Kiểm tra, thi cuối học kỳ và đánh giá rèn luyện

1. Mỗi môn học chính khóa, ngoại khóa trong một học kỳ có 2 lần kiểm tra viết hoặc thực hành. Thời gian làm bài kiểm tra cho mỗi môn là 60 phút. Học sinh chưa đủ số lần kiểm tra của mỗi môn học nhà trường xem xét cho phép kiểm tra bổ sung.

Cuối mỗi học kỳ tổ chức thi viết một lần cho các môn sau đây: Môn thi khối A là Toán, Lý, Hóa; khối B là Toán, Hóa, Sinh; khối C là Ngữ văn, Sử, Địa; khối D là Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh. Thời gian làm bài thi cho mỗi môn là 120 phút. Học sinh chưa thi đủ 3 môn được phép thi bổ sung.

Chấm bài kiểm tra và bài thi theo thang điểm 10 chỉ lấy số lẻ đến 0,5 điểm. Điểm bài kiểm tra tính theo hệ số 1, bài thi tính theo hệ số 2.

2. Việc ra đề thi, đề kiểm tra, coi thi và tổ chức chấm bài thi, chấm bài kiểm tra, chấm phúc khảo do Hiệu trưởng quy định dựa trên các văn bản quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Học sinh thuộc một trong các diện sau đây không được dự thi cuối học kỳ:

- a) Bị thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên;
- b) Tổng số thời gian nghỉ học có lý do và không có lý do vượt quá 20% số tiết ở môn thi nào thì không được dự thi môn đó trong học kỳ;
- c) Không đủ số lần kiểm tra của mỗi môn học hoặc điểm kiểm tra trung bình của các môn chính khóa, ngoại khóa nhỏ hơn 3,0 điểm;

4. Học sinh không thi đủ 3 môn cuối mỗi học kỳ thì không thuộc diện xét tuyển vào đại học, cao đẳng, TCCN.

5. Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào các quy định của văn bản này, Quy chế học sinh, sinh viên hiện hành và Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên để ban hành các quy định về xếp loại rèn luyện của học sinh.

Điều 8. Điểm tổng kết cuối năm

1. Cuối năm học, mỗi môn học chính khóa có một điểm tổng kết.
2. Điểm tổng kết cuối năm của các môn học có thi học kỳ là điểm trung bình cộng của 4 lần kiểm tra, lần thi cuối học kỳ I và lần thi cuối học kỳ II (điểm kiểm tra hệ số 1, điểm thi học kỳ hệ số 2). Điểm tổng kết các môn không có thi học kỳ: Ngữ

văn (hoặc Tiếng Anh) đối với khối A, B; và Tin học đối với cả 4 khối A, B, C, D là điểm trung bình cộng của 4 lần kiểm tra.

3. Điểm tổng kết cuối năm của mỗi môn học chỉ lấy một số lẻ.

Chương IV

XÉT TUYỂN VÀO HỌC ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP

Điều 9. Điều kiện được xét tuyển vào học đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp

1. Căn cứ vào kết quả học tập sau khi kết thúc năm học DBĐH, nguyện vọng của học sinh, những học sinh học hệ DBĐH có đủ các điều kiện sau đây được xét tuyển vào học đại học, cao đẳng, TCCN:

a) Được xét tuyển vào học đại học:

- Xếp loại rèn luyện cả năm đạt khá trở lên;
- Điểm tổng kết cuối năm của các môn học chính khóa đạt từ 5,0 trở lên.

b) Được xét tuyển vào học cao đẳng:

- Xếp loại rèn luyện cả năm đạt khá trở lên;
- Điểm tổng kết cuối năm của các môn học chính khóa đạt từ 4,0 trở lên.

c) Được xét tuyển vào học trung cấp chuyên nghiệp:

- Xếp loại rèn luyện cả năm đạt khá trở lên;
- Điểm tổng kết cuối năm của các môn học chính khóa đạt từ 3,5 trở lên.

2. Những học sinh học hệ DBĐH thuộc một trong các diện dưới đây được xét học lưu ban và thời gian học tối đa một năm:

a) Xếp loại hạnh kiểm cả năm đạt khá, nhưng điểm tổng kết cuối năm của các môn học chính khóa dưới 3,5;

b) Nghỉ học quá 20% chương trình học do ốm đau, tai nạn có giấy xác nhận của bệnh xá hoặc bệnh viện;

c) Không thi đủ 3 môn cuối mỗi học kỳ do ốm đau, tai nạn có giấy xác nhận của bệnh xá hoặc bệnh viện.

3. Những học sinh không đủ điều kiện xét tuyển vào học đại học, cao đẳng, TCCN và không đủ điều kiện lưu ban sau khi học xong năm học thứ nhất DBĐH sẽ trả về địa phương.

4. Những học sinh sau khi học hệ DBĐH, nếu không có nguyện vọng xét tuyển vào học đại học, cao đẳng, TCCN mà có nguyện vọng đăng ký dự thi tuyển vào các cơ sở giáo dục thì được hưởng chính sách ưu tiên theo đối tượng và khu vực quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy, Quy chế tuyển sinh TCCN hiện hành.

5. Học sinh đủ điều kiện xét tuyển vào học đại học, nhưng có nguyện vọng học cao đẳng hoặc TCCN và học sinh đủ điều kiện xét tuyển vào học cao đẳng nhưng có nguyện vọng học TCCN phải làm đơn kèm bản kết quả học tập và rèn luyện trong thời gian học DBĐH, gửi cơ sở giáo dục có nguyện vọng học xem xét tiếp nhận vào các ngành học cùng khối thi.

6. Bảo lưu kết quả tuyển sinh và chế độ lưu trữ:

a) Bảo lưu kết quả cho những học sinh trúng tuyển học hệ DBĐH như: thực hiện nghĩa vụ quân sự hoặc đang học hệ DBĐH bị ốm dài ngày, có xác nhận của bệnh xá hoặc bệnh viện (thời gian bảo lưu kết quả của học sinh, Hiệu trưởng nhà trường xem xét và quyết định);

b) Bài kiểm tra, bài thi và các tài liệu liên quan đến công tác tuyển sinh, bồi dưỡng được bảo quản và lưu trữ ít nhất một năm.

Điều 10. Phân bổ học sinh đã học xong hệ dự bị đại học vào học tại các cơ sở giáo dục

1. Căn cứ vào kết quả học tập, rèn luyện của học sinh trong năm học hệ DBĐH, căn cứ nguyện vọng của học sinh và chỉ tiêu đào tạo, các cơ sở có chỉ tiêu hệ DBĐH phân bổ học sinh vào học theo quy định hiện hành. Riêng học sinh có nguyện vọng học các trường thuộc khối Quốc phòng, Công an, Kiểm sát thực hiện theo quy định tuyển sinh của trường.

Các khoa DBĐH thuộc các cơ sở giáo dục, các cơ sở giáo dục có chỉ tiêu DBĐH nhưng không bồi dưỡng hệ DBĐH chỉ phân bổ học sinh đã học xong hệ DBĐH vào các ngành của cơ sở mình đào tạo.

2. Các cơ sở giáo dục gửi văn bản và hồ sơ kèm theo kết quả học tập của học sinh đủ điều kiện tuyển vào học đại học, cao đẳng, TCCN cho Hội đồng tuyển sinh các cơ sở giáo dục được giao chỉ tiêu DBĐH để tiếp nhận học sinh đã học xong hệ DBĐH. Các khoa DBĐH thuộc các cơ sở giáo dục gửi hồ sơ kèm theo kết quả học tập của học sinh đủ điều kiện tuyển vào học đại học, cao đẳng, TCCN cho hội đồng tuyển sinh của trường mình.

3. Đối với những cơ sở giáo dục (hoặc những ngành học thuộc cơ sở giáo dục) tiếp nhận học sinh đã học xong hệ DBĐH có số học sinh đăng ký theo học lớn hơn

chỉ tiêu được giao thì căn cứ kết quả học tập của học sinh hệ DBĐH để chọn học sinh có kết quả học tập và rèn luyện từ cao trở xuống cho đến đủ chỉ tiêu, những người còn lại chuyển sang các cơ sở giáo dục khác (hoặc ngành học khác) cùng khối thi.

Điều 11. Tiếp nhận học sinh đã học xong hệ dự bị đại học

Hàng năm, các cơ sở giáo dục có trách nhiệm tiếp nhận học sinh đã học xong hệ DBĐH theo chỉ tiêu do Bộ Giáo dục và Đào tạo giao.

Các cơ sở giáo dục tổ chức giảng dạy, kiểm tra, thi, đánh giá, cấp bằng tốt nghiệp theo quy định hiện hành.

Điều 12. Chế độ báo cáo

1. Chậm nhất ngày 05/11 năm tuyển sinh, các cơ sở giáo dục có chỉ tiêu hệ DBĐH nộp báo cáo danh sách học sinh đã được xét tuyển vào học hệ DBĐH theo mẫu quy định (Phụ lục II) về Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Giáo dục Đại học).

2. Kết thúc năm học hệ DBĐH, các cơ sở giáo dục có chỉ tiêu hệ DBĐH lập danh sách học sinh đủ điều kiện xét tuyển vào đại học, cao đẳng, TCCN theo mẫu quy định (Phụ lục III) và các kiến nghị khác (nếu có) gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Giáo dục Đại học).

3. Chậm nhất ngày 31/01 hàng năm, các cơ sở giáo dục có chỉ tiêu hệ DBĐH phải gửi danh sách dự kiến số học sinh DBĐH sẽ phân bổ vào các cơ sở giáo dục về Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Giáo dục Đại học).

Các cơ sở giáo dục có chỉ tiêu hệ DBĐH tổ chức khai giảng trong tháng 10 của năm học./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Văn Ga

Phụ lục I
ĐƠN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN DỰ BỊ ĐẠI HỌC
(Kèm theo Thông tư số 25/2010/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 10 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng.... năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN HỌC HỆ DỰ BỊ ĐẠI HỌC

Kính gửi: (Ghi rõ tên khoa DBĐH thuộc trường, trường DBĐH, trường DBĐHDT)

.....

1. Họ và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:.....
3. Dân tộc:.....
4. Hộ khẩu thường trú: (Số nhà, đường phố, xã, phường, huyện, quận, tỉnh, thành phố).....
-
5. Thuộc đối tượng ưu tiên:.....
6. Tốt nghiệp hệ nào thì khoanh tròn vào hệ đó: (THPT, THBT, TCCN, TCN, THN)
7. Ngày, tháng, năm thi tốt nghiệp:.....
8. Đã dự thi tuyển sinh vào trường đại học:..... Khối thi.....
Ngày, tháng, năm dự thi đại học:.....; Số báo danh.....
Kết quả dự thi đại học: (Điểm các môn chưa nhân hệ số)
Môn 1:...../..... điểm; Môn 2:...../..... điểm;
Môn 3:...../..... điểm
Điểm thưởng:..... Tổng điểm:.....
9. Căn cứ vào kết quả điểm thi đại học, nay tôi có nguyện vọng xin đăng ký xét tuyển vào học khối.....
Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm và bị xử lý theo Quy chế Tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
Giấy báo kết quả xét tuyển xin gửi theo địa chỉ sau:.....
.....

Học sinh ký và ghi rõ họ, tên

Phụ lục II

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC XÉT TUYỂN VÀO HỌC HỆ DỰ BỊ ĐẠI HỌC

(Kèm theo Thông tư số 25/2010/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Trường:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC XÉT TUYỂN VÀO HỌC HỆ DỰ BỊ ĐẠI HỌC
NĂM HỌC.....

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Kết quả điểm thi đại học năm.....						Ghi chú	
						Khu vực	Trường	M1	M2	M3	Điểm thưởng		Tổng cộng

NGƯỜI LẬP BIỂU

....., ngày.... tháng.... năm.....

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

(Ghi chú: Kết quả thi ĐH hệ chính quy M1: điểm môn 1; M2: điểm môn 2; M3: điểm môn 3)

Phụ lục III

DANH SÁCH HỌC SINH DBĐH DỰ KIẾN PHÂN BỐ VÀO CÁC NGÀNH THUỘC CÁC TRƯỜNG
(Kèm theo Thông tư số 25/2010/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Trưởng:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH DỰ BỊ ĐẠI HỌC DỰ KIẾN PHÂN BỐ VÀO CÁC TRƯỜNG
ĐH, CĐ, TCCN Năm học.....

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	Dân tộc	Điểm tổng kết cuối năm các môn học chính khóa hệ dự bị đại học							Được xét tuyển vào trường ĐH, CĐ, TCCN
						Khối	M1	M2	M3	M4	M5	TB	

NGƯỜI LẬP BIỂU

....., ngày... tháng... năm.....

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

(Ghi chú: Kết quả điểm học hệ DBĐH M1: điểm môn 1; M2: điểm môn 2; M3: điểm môn 3; M4: điểm môn 4; M5: điểm môn 5).

Phụ lục IV**QUY ĐỊNH VÙNG TUYỂN CỦA CÁC TRƯỜNG DBĐH, DBĐHDT
VÀ TRƯỜNG PHỔ THÔNG VÙNG CAO VIỆT BẮC**

*(Kèm theo Thông tư số 25/2010/TT-BGDĐT ngày 13 tháng 10 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**QUY ĐỊNH VÙNG TUYỂN SINH
CỦA CÁC TRƯỜNG DBĐH, DBĐHDT, TRƯỜNG PHỔ THÔNG
VÙNG CAO VIỆT BẮC****1. Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương Việt Trì - Phú Thọ:**

Học sinh thuộc các tỉnh từ Hòa Bình trở ra. Gồm: Hòa Bình, Hà Nội (Hà Tây cũ), Bắc Giang, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Sơn La, Yên Bái, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Cao Bằng, Hà Giang và một số huyện, xã thuộc khu vực 1 của tỉnh Hà Nam, Hải Dương.

2. Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc:

Tuyển học sinh tốt nghiệp THPT ở các Trường Phổ thông Dân tộc nội trú thuộc các tỉnh phía Bắc để bồi dưỡng dự bị đại học, tại Quyết định số 4803/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 17/10/2002. Gồm: Hà Giang, Cao Bằng, Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Yên Bái, Sơn La, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Bắc Giang, Hà Nội (Hà Tây cũ), Hòa Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình.

3. Trường Dự bị Đại học Dân tộc Sầm Sơn - Thanh Hóa:

Học sinh thuộc 7 tỉnh Bắc Trung bộ, từ Thừa Thiên - Huế trở ra đến tỉnh Ninh Bình, tại Quyết định số 3885/BGD&ĐT-TCCB ngày 24/7/2003. Gồm: Thừa Thiên - Huế, Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, Ninh Bình.

4. Trường Dự bị Đại học Dân tộc Nha Trang - Khánh Hòa:

Học sinh thuộc các tỉnh từ Đà Nẵng đến Ninh Thuận. Gồm: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kon Tum, Bình Định, Gia Lai, Phú Yên, Đắk Lắk, Đắk Nông, Khánh Hòa, Lâm Đồng.

5. Trường Dự bị Đại học thành phố Hồ Chí Minh:

Học sinh thuộc các tỉnh từ Lâm Đồng trở vào. Gồm các tỉnh: Lâm Đồng, Bình Phước, Bình Dương, Ninh Thuận, Tây Ninh, Bình Thuận, Đồng Nai, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tiền Giang, Kiên Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, thành phố Hồ Chí Minh, Cà Mau.